

Bản án số: 06/2023/HS-ST

Ngày 28/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH T H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Âu;

Ông Phạm Văn Nhất;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L tham gia tại điểm cầu thành phần:
Bà Lê Khánh Huyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T H tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Len - Kiểm sát viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T H tham gia tại điểm cầu thành phần: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại điểm cầu trung T: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T H, tại điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh T H; xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức xét xử trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023;

Đối với các bị cáo:

1. **Lê T T**, sinh ngày 24/4/2000 tại: Huyện L, tỉnh T H; nơi cư trú: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh T H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (đã chết); con bà Lê Thị H (đã chết); bị cáo là con một trong gia đình; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/01/2023 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T H xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (bị cáo chưa chấp hành).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2022 đến nay; có mặt.

2. **Lê Văn K**, sinh ngày 15/11/1995 tại: Huyện Lanh Chánh, tỉnh T H; nơi

cư trú: Khu phố Giáng, thị trấn L, huyện L, tỉnh T H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hồng T (đã chết); con bà Lê Thị L; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2022 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê T T*: Ông Đặng Văn Dương -Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02, thuộc Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T H. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Lê Văn C, sinh năm 1997; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố C 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh T H.

2. Anh Lê Văn K, sinh năm 1995; Vắng mặt.

3. Anh Lê Văn C; Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh T H.

4. Chị Lữ Thị D, sinh năm 2007. Vắng mặt.

5. Chị Hà Thị K, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Bản B, xã T, huyện Q, tỉnh T H.

6. Anh Lê Văn T, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, T H.

NỘI D V U ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 20/9/2022, các đối tượng Lê Văn K - sinh năm 1995, trú tại khu phố Giáng, thị trấn L, huyện L; Lê Văn C - sinh năm 1997, ở khu phố C 1, thị trấn L; Lê Văn K - sinh năm 1995 ở thôn C, xã Đ và Lê Văn T - sinh năm 2000, ở thôn C, xã Đ tập trung ăn cơm, uống bia tại nhà của Lê Văn C - sinh năm 1989 ở thôn C, xã Đ, huyện L. Sau khi uống xong, cả nhóm rủ nhau đi hát karaoke. Lê Văn K, Lê Văn C và Lê Văn T đi chung một xe mô tô đến quán hát karaoke trước, Lê Văn C và Lê Văn K đi sau đó một lúc. Những người trên đến hát tại phòng số 2, quán Karaoke T ở thôn C, xã Đ, huyện L. Khi vào phòng hát có bốn nữ nhân viên quán hát vào phòng để phục vụ là Lữ Thị D, sinh năm 2007 và Hà Thị K, sinh năm 1995 cùng ở bản B, xã T, huyện Quang Sơn; Phạm Huyền Trang - sinh năm 1997 ở phố C, thị trấn N và Phạm Thị T - sinh năm 1990 ở thôn T, xã T, huyện B T.

Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, Lê T T - sinh năm 2000, trú tại khu phố N, thị trấn L, huyện L mượn điện thoại di động gọi cho Lê Văn C hỏi C đang ở đâu. Biết C đang hát ở quán karaoke T nên Lê T T đã đi một mình bằng xe mô tô đến quán và vào thẳng phòng hát số 2. Một lúc sau, Lê Văn C có đi lại

gặp T sau đó cả hai cùng đi ra khỏi phòng hát. Khoảng 01 phút sau C quay vào phòng, T cũng đi vào ngay sau đó. Vào phòng hát, T ngồi ở dãy ghế sát với cửa ra vào rồi lấy ra một gói ni lông màu hồng, bên trong có các viên nén là ma túy tổng hợp để xuống bàn phòng hát với mục đích để cho các đối tượng trong phòng hát cùng sử dụng. Lê T T có hỏi Lữ Thị D là người đang ngồi gần mình là ở đây có bộ sử dụng ma túy không. D bảo không có, T bảo D làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đi. T đứng dậy, rút từ túi quần bên trái ra 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) đưa cho Lữ Thị D và nhắc D tìm thêm một mảnh giấy bạc nữa. Lữ Thị D hiểu ý của T về việc bảo mình chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp, tuy nhiên do không biết cuộn ống hút nên D để tờ tiền 5.000đ xuống mặt bàn rồi đi ra khỏi phòng để tìm giấy bạc. D đi ra ngoài nhặt được một mảnh giấy bạc và quay trở lại phòng hát rồi đặt mảnh giấy xuống cạnh tờ tiền. Lúc này Lê Văn K đang ngồi cạnh thấy D không làm được dụng cụ nên đã chủ động làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Lê Văn K lấy chai nước lọc uống dở sẵn có trên bàn, dùng điều thuốc đang hút để châm thủng một lỗ trên thân chai, lấy tờ tiền 5.000đ quấn thành ống và nhét vào lỗ vừa châm. Sau đó lấy một viên ma túy từ túi ma túy mà Lê T T mang đến đặt lên mảnh giấy bạc, dùng bật lửa đốt để sử dụng ma túy. Thấy K sử dụng ma túy, Lữ Thị D cũng có ý định sử dụng nên cầm dụng cụ sử dụng ma túy lên và được K dùng bật lửa đốt ma túy cho Lữ Thị D sử dụng. Khi đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện L tiến hành kiểm tra quán karaoke T, phát hiện Lê Văn K và Lữ Thị D, đang sử dụng trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra tại ghế ngồi chính giữa đối diện màn hình quán hát cạnh vị trí bên phải Lữ Thị D ngồi có một gói ni lông màu hồng, một mặt có ký hiệu chữ “A”, bên trong chứa 14 (mười bốn) viên nén màu hồng (trong đó có 04 viên được bọc bằng một mảnh giấy bạc), 02 (hai) viên nén màu xanh, tất cả số viên nén này đều nghi là ma túy tổng hợp. Tại vị trí bên phải Lữ Thị D ngồi có một bộ dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy bao gồm: một bật lửa ga màu đỏ, một tờ giấy bạc, một chai nhựa không màu (dạng chai nước lọc nhãn hiệu Number1), trên thân ống nhựa có đục một lỗ được cắm ống làm bằng tờ tiền mệnh giá 5.000đ (năm nghìn đồng) quấn tròn, trong ống có chứa 1/5 nước không màu. Lê Văn K và Lữ Thị D khai nhận cả hai đang sử dụng ma túy, dạng ma túy tổng hợp thường gọi là hồng phiến. Qua đấu tranh với các đối tượng, xác định số ma túy phát hiện trong phòng karaoke số 02 là do Lê T T mang đến, việc chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy do Lê T T, Lê Văn K và Lữ Thị D cùng chuẩn bị. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê T T, Lê Văn K và Lữ Thị D về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thu giữ, niêm phong các mẫu vật nghi là chất ma túy và bộ dụng cụ tự chế tạo để sử dụng trái phép chất ma túy.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê T T Cơ quan CSĐT phát hiện và thu giữ

01 (một) gói giấy bạc bên trong chứa 02 (hai) viên nén màu hồng nghi là ma túy tại lỗ gạch trên tường của gian phòng ngủ phía sau.

Ngày 21/9/2022, Cơ quan CSĐT, Công an huyện L quyết định số 45,46/QĐTC - CSĐT về trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H giám định mẫu vật nghi là ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 3303/KL-KTHS ngày 26/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H kết luận:

- 14 viên nén màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 1,320g (một phẩy ba hai mươi gam) loại: Methamphetamine.

- 02 viên nén màu xanh của phong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,172g (không phẩy một bảy hai gam) loại: Methamphetamine.

- + Tổng khối lượng (trọng lượng) của phong bì ký hiệu A1 thu giữ tại phòng hát số 02 quán karaoke T là 1,492g (một phẩy bốn chín hai gam) loại: Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 3304/KL-KTHS ngày 26/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H kết luận:

- 02 viên nén màu hồng của phong bì ký hiệu N1 thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở Lê T T gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,174g (không phẩy một bảy tư gam) loại: Methamphetamine,

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu A1 và 13 (một ba) viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 1,223g (một phẩy hai hai ba gam); 01 (một) viên nén màu xanh có tổng khối lượng là 0,086 (không phẩy không tám sáu gam). Mẫu vật còn lại sau giám định đựng trong một phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu N1 và 0,139 (không phẩy một ba chín gam) chất bột màu hồng. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- 01 (một) chai nhựa (vỏ chai nước lọc Number 1), tại vị trí 1/5 phía dưới chai nhựa có đục một lỗ và có một tờ tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) được cuộn tròn cắm vào chai nhựa qua lỗ đã đục; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) mảnh giấy bạc bề mặt giấy đã thay đổi màu sắc do qua sử dụng. Tất cả

được đựng trong 01 (một) hộp bìa cát tông màu vàng, các mép hộp được dán bằng giấy niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ tên Bùi Duy Khánh, Đinh Văn Trung, Dương Thị Phương, Lê Văn K, Lữ Thị D và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Đ, huyện L, tỉnh T H. Hộp bìa cát tông niêm phong ký hiệu A2.

Các vật chứng nêu trên được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện L để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

- 01 (một) điện thoại di động, dạng màn hình cảm ứng, màu đen, mặt sau điện thoại có đề chữ "SPARK", "TECNO", điện thoại cũ đã qua sử dụng, đang gắn 01 (một) thẻ sim số thuê bao 0354839924. Điện thoại được xác định là của Lê Văn K, qua xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra ra Quyết định trả lại cho Lê Văn K.

- Số tiền 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng), được thu giữ của Lê T T, quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh có liên quan đến hành vi phạm tội Cơ quan điều tra ra Quyết định trả lại cho Lê T T.

- Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 135, trắng - đen, số máy 1S9A065694, vị trí số khung đã bị cà mòn, mất số và thông tin biển kiểm soát 36B6-135.68. Qua xác minh, xe mô tô không phải là vật chứng, tang vật có liên quan đến vụ án, vụ việc nào. Tra cứu có thông tin tham khảo liên quan đến xe mô tô YAMAHA, số loại Exciter, D tích xi lanh 135, số máy 1S9A065694 được đăng ký biển số 36B4-193.54, người có tên đăng ký Lê Hữu Nam, địa chỉ thôn Yên Lãng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh T H, tuy nhiên do vị trí số khung đã bị cà mòn, mất thông tin nên Cơ quan điều tra đã tách riêng để xác minh, xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS - LC ngày 09/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố: Bị cáo Lê T T về các tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Lê Văn K về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội D Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo T đề nghị được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê T T phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Lê Văn K phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: Các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê T T.

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn K.

+ Xử phạt bị cáo Lê T T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) tháng tù của bản án số 01/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T H. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2022.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm:

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì kí hiệu A1 và 13 (một ba) viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 1,223g (một phẩy hai hai ba gam); 01 (một) viên nén màu xanh có tổng khối lượng là 0,086 (không phẩy không tám sáu gam). Mẫu vật còn lại sau giám định đựng trong một phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì kí hiệu N1 và 0,139 (không phẩy một ba chín gam) chất bột màu hồng. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- 01 (một) chai nhựa (vỏ chai nước lọc Number 1), tại vị trí 1/5 phía dưới chai nhựa có đục một lỗ; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) mảnh giấy bạc bề mặt giấy đã thay đổi màu sắc do qua sử dụng. Tất cả được đựng trong 01 (một) hộp bìa cát tông màu vàng, các mép hộp được dán bằng giấy niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ tên Bùi Duy Khánh, Đinh Văn Trung, Dương Thị Phương, Lê Văn K, Lữ Thị D và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Đ, huyện L, tỉnh T H. Hộp bìa cát tông niêm phong ký hiệu A2.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) được cuộn tròn dùng để cắm vào chai nhựa qua lỗ đã đục.

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo T, buộc bị cáo K phải chi án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Lê T T thống nhất với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như trình bày ở trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò, nhân thân, nhận thức, hoàn cảnh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo khi phạm tội để xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 20/9/2022 tại quán hát karaoke T thuộc thôn C, xã Đ, Huyện L, Lê T T đã mang ma túy (loại Methamphetamine) đến rồi phân công Lê Văn K và Lữ Thị D làm dụng cụ sử dụng ma túy, khi K sử dụng xong, đã giúp sức dùng bật lửa đốt ma túy cho Lữ Thị D, sinh năm 2007 là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi sử dụng ma túy.

Tiến hành khám xét chỗ ở Lê T T Cơ quan điều tra thu giữ 02 viên nén màu hồng có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,174g (không phải một bảy tư gam) là ma túy loại: Methamphetamine.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Bị cáo T tổ chức cho các đối tượng sử dụng ma túy thuộc trường hợp “đối với 02 người trở lên” và “đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”, ngoài ra T còn tàng trữ 0,174 g ma túy (loại Methamphetamine) tại nơi ở của mình, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ cấu thành tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại các

điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị cáo K đã chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy và giúp sức cho Lữ Thị D là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi sử dụng ma túy nên hành vi của bị cáo K đã đủ cấu thành tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, thống nhất thực hiện tội phạm từ trước, không có sự câu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn. Trong đó, bị cáo T là người mang ma túy đến quán hát và phân công cho bị cáo K và Lữ Thị D làm dụng cụ để sử dụng ma túy, do đó bị cáo T xếp vai trò chính trong vụ án và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T có nhân thân: Ngày 16/01/2023 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T H xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “cố ý làm hư hỏng tài sản”; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai Bo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên T cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những nhận xét, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tội phạm ma túy đang có diễn biến phức tạp và chiều hướng gia tăng. Ma túy đã gây tác hại to lớn đối với con người và cộng đồng, là nguyên nhân làm mất trật tự, an toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gia tăng các loại tội phạm khác. Vì vậy, hình phạt đối với tội phạm về ma túy cần phải nghiêm khắc, mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này. Xét tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là rất nghiêm trọng, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Tại bản án số 01/2022/HS- ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T H, bị cáo T phải chấp hành hình phạt 08 (tám) tháng tù về tội “cố ý làm hư hỏng tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (bị cáo chưa thi hành), vì vậy cần tổng hợp với hình phạt tù của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249; khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo đều là người lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì kí hiệu A1 và 13 (một ba) viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 1,223g (một phẩy hai hai ba gam); 01 (một) viên nén màu xanh có tổng khối lượng là 0,086 (không phẩy không tám sáu gam). Mẫu vật còn lại sau giám định đựng trong một phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì kí hiệu N1 và 0,139 (không phẩy một ba chín gam) chất bột màu hồng. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- 01 (một) chai nhựa (vỏ chai nước lọc Number 1), tại vị trí 1/5 phía dưới chai nhựa có đục một lỗ; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) mảnh giấy bạc bề mặt giấy đã thay đổi màu sắc do qua sử dụng. Tất cả được đựng trong 01 (một) hộp bìa cát tông màu vàng, các mép hộp được dán bằng giấy niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ tên Bùi Duy Khánh, Đinh Văn Trung, Dương Thị Phương, Lê Văn K, Lữ Thị D và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Đ, huyện L, tỉnh T H. Hộp bìa cát tông niêm phong ký hiệu A2.

Đây xác định là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) được cuộn tròn cắm vào chai nhựa qua lỗ đã đục là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, đang còn giá trị nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động màu đen thu giữ của Lê Văn K không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra ra Quyết định trả lại cho Lê Văn K là phù hợp.

- Số tiền 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng), thu giữ của Lê T T, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra ra Quyết định trả lại cho Lê T T là phù hợp.

- Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 135, trắng - đen, số máy 1S9A065694, vị trí số khung đã bị cà mòn, mất số và thông tin biển kiểm soát 36B6-135.68. Qua xác minh, xe mô tô không phải là vật chứng, tang vật có liên quan đến vụ án, vụ việc nào. Tra cứu có thông tin tham khảo liên quan đến xe mô tô YAMAHA, số loại Exciter, D tích xi lanh 135, số máy 1S9A065694 được đăng ký biển số 36B4-193.54, người có tên đăng ký Lê Hữu Nam, địa chỉ thôn Yên Lãng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh T H, tuy nhiên do vị trí số khung đã bị cà mòn, mất thông tin nên Cơ quan điều tra đã tách riêng để xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Quá trình điều tra, Lê T T khai vào tối 20/9/2022 Lê Văn C, gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger, nhờ Lê T T đi mua giúp 1.000.000đ (một triệu đồng) ma túy tổng hợp. Lê T T đến xã T, huyện B T để mua ma túy với một người có tên Lê, tuy nhiên chỉ mua được số ma túy tương ứng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) sau khi mua về, T cất giấu 02 viên ở nhà để sử dụng riêng rồi sau đó mượn điện thoại của một người không quen biết, gọi hỏi C đang ở đâu, biết C đang ở quán Karaoke T nên T đã đi đến quán hát giao ma túy cho C. Việc giao ma túy được thực hiện trước cửa phòng hát số 2, Lê T T đã nhận được số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), quá trình điều tra Lê Văn C không thừa nhận việc có nhờ T đi mua ma túy. Mặt khác Lê T T không đưa ra được các tài liệu chứng minh lời khai của mình. Vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với Lê Văn C; Đối với người có tên Lê, căn cứ thông tin, địa điểm Lê T T cung cấp, Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa bàn không có nên không đủ căn cứ xác minh để xử lý.

Hành vi Lữ Thị D đủ yếu tố cấu thành tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tuy nhiên Lữ Thị D sinh 2007 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội danh này. Cơ quan cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ đề nghị Công an huyện L xử lý hành chính bằng biện pháp cảnh cáo là phù hợp.

Đối với cơ sở kinh doanh Karaoke T, thiếu trách nhiệm trong quản lý đã để xảy ra việc người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu, hành vi vi phạm của Cơ sở đến Công an huyện L để xử lý vi phạm theo thẩm quyền là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê T T.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn K.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê T T phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Xử phạt bị cáo Lê T T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 15 (mười lăm) tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với 08 (tám) tháng tù chưa chấp hành của bản án số 01/2022/HS- ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T H. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 09 (chín) năm 05 (năm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn K 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì kí hiệu A1 và 13 (một ba) viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 1,223g (một phẩy hai hai ba gam); 01 (một) viên nén màu xanh có tổng khối lượng là 0,086 (không phẩy không tám sáu gam). Mẫu vật còn lại sau giám định đựng trong một phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì kí hiệu N1 và 0,139 (không phẩy một ba chín gam) chất bột màu hồng. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần

Đăng, Lê Minh Tiến, Đào Xuân Sơn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T H.

- 01 (một) chai nhựa (vỏ chai nước lọc Number 1), tại vị trí 1/5 phía dưới chai nhựa có đục một lỗ; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) mảnh giấy bạc bề mặt giấy đã thay đổi màu sắc do qua sử dụng. Tất cả được đựng trong 01 (một) hộp bìa cát tông màu vàng, các mép hộp được dán bằng giấy niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ tên Bùi Duy Khánh, Đinh Văn Trung, Dương Thị Phương, Lê Văn K, Lữ Thị D và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Đ, huyện L, tỉnh T H. Hộp bìa cát tông niêm phong ký hiệu A2.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) được cuộn tròn (dùng để cắm vào chai nhựa qua lỗ đã đục ở trên).

Toàn bộ vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2023.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê T T; Buộc bị cáo Lê Văn K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T H;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh T H;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh T H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Công

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH T H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2023/QĐXXST-HS

L, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA BỔ SUNG BẢN ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH T H

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2023/HS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án⁽⁵⁾ nhân dân huyện L, tỉnh T H **có lỗi** cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội D tại các dòng 3, 4 từ dưới lên trang 11 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: Tuyên bố: Bị cáo Lê T T phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: Tuyên bố: Bị cáo Lê T T phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Lê Văn K phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T H;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh T H;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh T H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Công